

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 207/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 – 6 – 2022  
“Về trA chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hứa Minh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Việt Bắc
2. Bà Đỗ Mỹ Lil

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Xuân Th, sinh năm: 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Số 88B12, Tổ 3, Khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc A, sinh năm: 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 25/4/2022, bà Trần Thị Xuân Th trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc A xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thị xã B, nay là thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, bà Th cho rằng tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không êm ấm, hạnh phúc nên bà tự ly thân với ông Ngọc A khoảng 04 năm qua. Do đó, bà xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể

hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc A.

- Về con chung: Bà và ông Ngọc A có 02 người con chung là Trần Tuấn V, sinh năm 1992 và Trần Khả V, sinh ngày 28/10/2009, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có.

- Về nợ chung: Bà xác định không có.

Do điều kiện công việc và ở xa nên bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Trong biên bản trình bày ý kiến ngày 23/6/2022, ông Trần Ngọc A xác định: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện; việc mâu thuẫn, con chung, tình trạng tài sản, nợ đúng như bà Th trình bày.

Nay bà Th xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Th, thống nhất giao con cho bà Th nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Do điều kiện công việc nên ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Xuân Th và ông Trần Ngọc A là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Th và ông Ngọc A, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông Ngọc A theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Xuân Th và ông Trần Ngọc A xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 1990 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa bà Th và ông Ngọc A là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng ông, bà có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, đồng thời ông, bà thống nhất ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông Ngọc A là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu V đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Nguyên vọng cháu V muốn được sống chung với bà Th đồng thời bà Th và ông Ngọc A thống nhất giao cháu V cho bà Th được tiếp tục nuôi con; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Th và ông Ngọc A xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Th và ông Ngọc A khai rằng giữa ông, bà không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Xuân Th về việc ly hôn ông Trần Ngọc A.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Khả V, sinh ngày 28/10/2009 cho bà Trần Thị Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Ngọc A không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Th phải chịu 300.000đ. Ngày 25 tháng 4 năm 2022, bà Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 4707 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà Th và ông Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND phường 7, thành phố B;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

**Hứa Minh Hải**